

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 58/2019/DS - ST

Ngày: 21/8/ 2019

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ - TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông **Phạm Trí Trường**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lâm Hải Trung**

2. Bà **Nguyễn Thị Hồng Sen**

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Huỳnh Trúc Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Long Hồ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ : không tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 16 và 21 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Long Hồ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2019/TLST - DS, ngày 27 tháng 3 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2019/QĐXX – ST ngày 20/6/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: *Ngân hàng C*

Trụ sở: Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Hữu Đ – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: bà Huỳnh Nguyễn Bảo H theo văn bản ủy quyền số 272/2019 ngày 21/2/2019.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Nguyễn Bảo H là anh Lai Quốc H, sinh năm 1974. Địa chỉ: Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh theo văn bản ủy quyền số 01/2019 ngày 04/3/2019 và anh Trương Quốc A , sinh năm 1989 địa chỉ đường Trần Hưng Đạo phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: 1/ ông *Lương Thành H*, sinh năm 1985 (vắng mặt)

2/ bà *Nguyễn Thu TR*, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ thường trú: ấp Phước Bình A, xã Phú Quới, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Công ty P

Do ông Tạ Vĩnh P làm đại diện (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: tờ bản đồ số 02, khu vực 1, phường Ba Láng, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án Lại Quốc H trình bày:

Ngân hàng C đã cho ông Lương Thành H và bà Nguyễn Thu TR vay tiền theo các hợp đồng tín dụng sau:

1. Hợp đồng tín dụng trung-dài hạn số: 0008/2017/HĐTDTDH-CN/007 ngày 13/02/2017.

Số tiền vay: 480.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi triệu đồng).

Thời hạn vay: 48 tháng (từ ngày 13/02/2017 đến ngày 13/02/2021).

Phương thức trả nợ: Gốc trả 03 tháng/lần và Lãi trả 03 tháng/lần.

Chi tiết về lịch trả nợ theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số:0008/2017/HĐTDTDH-CN/007/ĐNGN-KUNN.01 ngày 13/02/2017.

Lãi suất vay: Được quy định cụ thể trên giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số:0008/2017/HĐTDTDH-CN/007/ĐNGN-KUNN.01 ngày 13/02/2017.

Mục đích vay: mua máy gặt đập liên hợp Yanmar AW82V.

Trong quá trình vay từ ngày 13/02/2017 đến ngày 26/04/2018, Bên vay đã thanh toán cho C theo Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số: 0008/2017/HĐTDTDH-CN/007 ngày 13/02/2017 được số tiền là 124.625.299 đồng (trong đó gốc 89.950.00 đồng, lãi 34.675.299 đồng). Sau đó không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Tính đến ngày 18/02/2019, ông Lương Thành H và bà Nguyễn Thu TR còn nợ C các khoản sau:

Nợ gốc	=	390.050.000đồng;
Lãi trong hạn	=	73.183.499đồng;
Lãi quá hạn	=	29.879.279đồng;
Tổng cộng	=	493.112.778đồng

Tính đến ngày 04/5/2019, ông Lương Thành H và bà Nguyễn Thu TR còn nợ C các khoản sau:

Nợ gốc	=	390.050.000đồng;
Lãi trong hạn	=	80.515.499đồng;
Lãi quá hạn	=	39.715.505 đồng;
Tổng cộng	=	510.281.004đồng

2. Hợp đồng tín dụng trung-dài hạn số: 0034/17/HĐTDTDH-CN/007

ngày 16/05/2017.

Số tiền vay : 478.000.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi tám triệu đồng).

Thời hạn vay : 48 tháng (từ ngày 18/05/2017 đến ngày 17/05/2021).

Phương thức trả nợ: Nợ gốc trả 03 tháng/lần và lãi trả 03 tháng/lần. Chi tiết về lịch trả nợ theo Giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số: 0034/17/HĐTDTDH-CN/007/ĐNGN-KUNN.01 ngày 17/05/2017.

Lãi suất vay được quy định cụ thể trên giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số: 0034/17/HĐTDTDH-CN/007/ĐNGN-KUNN.01 ngày 17/05/2017. Cụ thể là lãi suất LS13 (là lãi suất tiền gửi tiết kiệm thông thường của khách hàng cá nhân) + 6,7%/năm.

Mục đích vay: mua máy gặt đập liên hợp Yanmar AW82V

Trong quá trình vay từ ngày 17/05/2017 đến ngày 26/04/2018, Bên vay đã thanh toán cho C theo Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số: 0034/17/HĐTDTDH-CN/007 ngày 16/05/2017 được số tiền là 75.367.556 đồng (trong đó gốc 57.365.600 đồng, lãi 18.001.956 đồng). Sau đó không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Tính đến ngày 18/02/2019, ông Lương Thành H và bà Nguyễn Thu TR còn nợ C các khoản sau:

Nợ gốc	=	420.634.400đồng;
Lãi trong hạn	=	78.140.969đồng;
Lãi quá hạn	=	22.982.926đồng;
Tổng cộng	=	521.758.295đồng.

Tính đến ngày 04/5/2019, ông Lương Thành H và bà Nguyễn Thu TR còn nợ C các khoản sau:

Nợ gốc	=	420.634.400đồng;
Lãi trong hạn	=	86.239.631đồng;
Lãi quá hạn	=	31.183.861đồng;
Tổng cộng	=	538.057.892đồng.

3. Đồng thời, trong ngày 13/02/2017, Công ty P có ký văn bản cam kết đồng trả nợ gửi C, theo đó Công ty P đồng ý trả nợ thay cho ông Lương Thành H và bà Nguyễn Thu TR các khoản nợ của ông Lương Thành H và bà Nguyễn Thu TR với C khi ông Lương Thành H và bà Nguyễn Thu TR không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ của hợp đồng tín dụng số: 0008/2017/HĐTDTDH-CN/007 ngày 13/02/2017 và hợp đồng tín dụng số 0034/17/HĐTDTDH-CN/007 ngày 16/05/2017.

Nay C yêu cầu ông Lương Thành H và bà Nguyễn Thu TR phải trả nợ trước hạn theo hợp đồng tính đến ngày 04/5/2019 như trên và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp, ông Lương Thành H và bà Nguyễn Thu TR không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì C yêu cầu bên bảo lãnh là Công ty P thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay theo phạm vi bảo lãnh cho ông Lương Thành H và bà Nguyễn Thu TR.

Trường hợp ông Lương Thành H và bà Nguyễn Thu TR, Công ty P cùng không trả nợ thì C được quyền ưu tiên yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi

các tài sản thế chấp. Nếu số tiền phát mãi tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết các khoản nợ của ông Lương Thành H và bà Nguyễn Thu TR tại C theo 02 hợp đồng đã ký ở trên thì C được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông Lương Thành H và bà Nguyễn Thu TR và Công ty P để tiếp tục thu hồi nợ vay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Công ty P do ông Tạ Vĩnh P làm đại diện trình bày:

Công ty P thống nhất lời trình bày của C về hợp đồng vay của ông Lương Thành H và bà Nguyễn Thu TR.

Hợp đồng bảo lãnh của Công ty P đối với số tiền vay của ông H và bà TR là đúng. Công ty P đồng ý trả nợ cho C theo hợp đồng bảo lãnh trong trường hợp phát mãi tài sản thế chấp và các tài sản khác của ông H và bà TR không đủ trả C.

Ý kiến của nguyên đơn tại tòa:

ông Trương Quốc Anh trình bày: C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện tính đến nay số tiền lãi phát sinh đối với hợp đồng 0008/2017/HĐTDTDH-CN/007 ngày 13/02/2017 là 89.539.361 đồng lãi trong hạn và lãi quá hạn là 57.065.091 đồng, nợ gốc là 390.050.000 đồng và hợp đồng tín dụng số 0034/17/HĐTDTDH-CN/007 ngày 16/05/2017 là 96.365.361 đồng lãi trong hạn, lãi quá hạn 48.955.566 đồng lãi trong hạn và nợ gốc 420.634.400 đồng. C yêu cầu ông H, bà TR trả nợ gốc và lãi của 02 hợp đồng như số tiền nêu trên. C đồng ý phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp không đủ thì đề nghị Tòa án buộc ông H và bà TR và Công ty P phải tiếp tục trả nợ cho C đến khi hết nợ. Các khoản nợ sau ngày xét xử nêu chưa thực hiện thì phải tiếp tục tính lãi theo các hợp đồng đã ký.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Lương Thành H và bà Nguyễn Thu TR đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. ông Tạ Vĩnh P có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Lương Thành H và bà Nguyễn Thu TR và ông Tạ Vĩnh P.

[2] Về nội dung:

Theo các tài liệu do đương sự cung cấp cho thấy: Giữa C và ông Lương Thành H cùng bà Nguyễn Thu TR có ký kết 02 hợp đồng tín dụng số 0008/2017/HĐTDTDH-CN/007 ngày 13/02/2017 với số tiền vay là 480.000.000 đồng và hợp đồng số 0034/2017 /HĐTDTDH-CN/007 ngày 16/5/2017 với số tiền vay là 478.000.000 đồng. Thời hạn vay là 04 năm, phương thức trả nợ là trả dần, định kỳ 03 tháng 01 lần (trả nợ gốc và lãi). Đến ngày 26/4/2018 phía ông H và bà TR không thực hiện nghĩa vụ tiếp tục trả nợ

theo thỏa thuận trong hợp đồng. Do đó, phía C khởi kiện yêu cầu kết thúc giao dịch và thu hồi nợ vay, lãi suất là có căn cứ.

Cùng thời điểm cho vay: Giữa C, ông H và bà TR có ký 02 hợp đồng thế chấp tài sản (hợp đồng số 0006/2017/HĐBD-SP/007 và hợp đồng số 0020/2017/HĐBD-SP/007) theo 02 hợp đồng này thì phía ông H bà TR đã thế chấp cho C 02 máy gặt đập liên hợp hiệu Yanmar kiểu máy AW82VS –VN số khung C88-270440 số máy 20453A và máy hiệu Yanmar kiểu máy AW82V số khung C88-20453A số máy 08286A. Hai máy này thuộc sở hữu của ông Lương Thành H được chứng minh qua 02 hợp đồng mua bán với Công ty P và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo. Do đó 02 máy gặt đập này là tài sản thế chấp hợp pháp. Do phía ông H và bà TR vi phạm nghĩa vụ nên C được quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo thỏa thuận đã được ký kết. Phía Công ty P phải có nghĩa vụ phối hợp thực hiện việc xử lý tài sản thế chấp theo văn bản thỏa thuận 03 bên ngày 13/02/2017 và ngày 16/5/2017 có cùng 01 nội dung như sau. Tại Điều 2 thể hiện trách nhiệm của công ty P “Phối hợp C kiểm tra, giám sát tài sản thế chấp của bên vay thông qua hệ thống định vị và các lần bảo trì của bên bán. Thông báo kịp thời cho C các thay đổi ảnh hưởng đến tài sản thế chấp. Phối hợp C thu hồi tài sản thế chấp của bên vay theo thông báo của C khi bên vay phát sinh nợ quá hạn tại C. Mua lại và/hỗ trợ bán tài sản thế chấp của bên vay để C thu hồi đầy đủ nợ, gốc, lãi phí liên quan theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng ký kết giữa bên vay với C. Giá trị mua lại/bán tài sản thế chấp tối thiểu bằng nghĩa vụ thanh toán của khách hàng tại C (Bao gồm nợ gốc, nợ lãi, phí liên quan theo quy định hợp đồng tín dụng)”.

Đối với trách nhiệm của Công ty P, ngoài 02 văn bản thỏa thuận 03 bên đề ngày 13/02/2017 và ngày 16/5/2017. Công P đã cam kết bằng văn bản thực hiện nghĩa vụ. Tại Điều 02 của 02 văn bản cam kết có nội dung như sau “Cam kết đồng ý cùng trả nợ với bên vay/ bên được cấp tín dụng theo đúng kỳ hạn và các nội dung khác của hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng, khế ước nhận nợ và các cam kết khác của bên vay/bên được cấp tín dụng với C. Bên cam kết đồng ý trả thay cho bên vay/Bên được cấp tín dụng các khoản nợ của bên vay/bên được cấp tín dụng với C khi bên vay/bên được cấp tín dụng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ. Bên cam kết dùng toàn bộ tài sản, nguồn thu của mình để đảm bảo cho tất cả nghĩa vụ trả nợ của bên vay/bên được cấp tín dụng theo cam kết này. Trong trường hợp bên cam kết không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thay cho bên vay/ bên được cấp tín dụng. Bên cam kết đồng ý vô điều kiện giao toàn bộ tài sản của mình cho C để xử lý nhằm thu hồi khoản nợ của bên vay/bên được cấp tín dụng”. Cho thấy phía công ty P đã cam kết thực hiện nghĩa vụ cùng trả nợ cho phía C trong trường hợp ông H và bà TR vi phạm nghĩa vụ đã thỏa thuận với C. Cam kết của Công ty P là phù hợp với qui định khoản 1 Điều 335, Điều 336 của bộ luật dân sự năm 2015. Tại buổi hòa giải ngày 07/5/2019 ông Phúc đã thống nhất tất cả các khoản tiền nợ gốc, nợ lãi do C yêu cầu. ông Phúc đồng ý trả nợ trong trường hợp xử lý tài sản thế chấp và các tài sản khác của ông H và bà TR không đủ trả nợ cho C. Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình giao dịch các bên đã thỏa thuận những nội dung không trái pháp

luật, không trái đạo đức xã hội, đây là quyền tự định đoạt của đương sự đã có hiệu lực nên các bên phải tuân thủ. Tại 02 bản cam kết của ông Phúc đề ngày 13/02/2017 và ngày 16/5/2017 gửi C. Ông Phúc tự nguyện chịu trách nhiệm cùng trả nợ với ông H, bà TR trong trường hợp ông H và bà TR không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ. Do đó, điều kiện ông Phúc yêu cầu phải xử lý tài sản khác của ông H và bà TR để trả nợ cho C khi không đủ thì ông Phúc mới thực hiện nghĩa vụ là không có cơ sở. không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Trách nhiệm trả nợ thay ông H, bà TR của Công ty P theo cam kết là đã **có hiệu lực ngay sau khi** phía bà TR, ông H không thực hiện nghĩa vụ, hoặc không đầy đủ nghĩa vụ đối với C

Tại phiên Tòa người đại diện ủy quyền của C đề nghị xử lý tài sản thế chấp khi không đủ mới buộc trách nhiệm tiếp tục trả nợ đối với ông H, bà TR và Công ty P là đã có lợi cho phía người thực hiện nghĩa vụ. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị này của C

Các khoản tiền Công ty P trả nợ thay cho ông Lương Thành H và bà Nguyễn Thu TR sẽ được giải quyết bằng một quan hệ khác.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, phía bị đơn phải chịu án phí. Được tính như sau: $800.000.000\text{đồng} = 36.000.000\text{đồng}$ cộng với số tiền vượt $800.000.000\text{đồng}$ là $299.609.971\text{đồng} \times 3\% = 8.988.297\text{đồng}$. Tổng cộng tiền án phí là $44.988.299\text{đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 274, khoản 1 Điều 275, 278, 299, 317, 335, 336, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Lương Thành H và bà Nguyễn Thu TR phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng C các khoản nợ như sau:

+ **Đối với hợp đồng số 0008/2017/-CN/007 ngày 13/02/2017:** Nợ gốc là 390.050.000đồng; Lãi trong hạn: 89.539.499; Lãi quá hạn: 57.065.091; Tổng: 536.654.590đồng

+ **Hợp đồng số 0034/2017/HĐTDTDH-CN/007 ngày 16/5/2017 :** Nợ gốc: 420.634.400đồng; Lãi trong hạn: 96.365.361đồng ;Lãi quá hạn: 45.955.566đồng. Tổng: 562.955.327

Tổng cộng 02 hợp đồng số tiền : 1.099.609.917đồng.

2. Ngân hàng C được quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng số 0006/2017/HĐBD-SP/007 ngày 13/02/2017 và hợp đồng số 0020/2017/HĐBD-SP/007 ngày 16/5/2017 giữa C và bà Nguyễn Thu TR cùng ông Lương Thành H để trừ vào số nợ của ông Lương Thành H và bà Nguyễn Thu TR. Buộc Công ty P có nghĩa vụ phối hợp Ngân hàng C và các cơ quan có thẩm quyền trong việc xử lý tài sản thế chấp.

3. Trường hợp tài sản thế chấp không đủ để trả cho các khoản nợ của ông Lương Thành H và bà Nguyễn Thu TR. Buộc Công P phải trả nợ thay cho ông Lương Thành H và bà Nguyễn Thu TR các khoản nợ còn lại đối với hợp đồng số 0008/2017/-CN/007 ngày 13/02/2017 và hợp đồng số 0034/2017/HĐTDTDH-CN/007 ngày 16/5/2017 cho Ngân hàng C

4. Trường hợp sau ngày xét xử sơ thẩm, các khoản tiền nợ của ông Lương Thành H và bà Nguyễn Thu TR chưa trả được cho Ngân hàng C thì ông Lương Thành H, bà Nguyễn Thu TR và Công ty P phải tiếp tục chịu lãi suất theo các hợp đồng và văn bản thỏa thuận đã ký kết.

5. Về án phí: Buộc ông Lương Thành H và bà Nguyễn Thu TR nộp 44.988.299 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả tiền tạm ứng án cho Ngân hàng C số tiền: 12.435.000 đồng theo lai thu số 0002262 ngày 27/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Long Hồ;
- THADS Long Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trí Trường